

BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên cơ sở sản xuất/ nhập khẩu: Công ty TNHH TM DV Hưng Thịnh Vượng
- 1.2. Địa chỉ : 5/6A, Ấp 4, Xã Phú Xuân, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh
- 1.3. Loại xe phương tiện: Xe mô tô 2 bánh /~~Xe gắn máy 2 bánh~~/loại xe khác⁽⁴⁾:
- 1.4. Nhãn hiệu: HONDA
- 1.5. Tên thương mại: SCOOPY FASHION
- 1.6. Mã kiểu loại (Số loại): F1C02N46L0A A/T
- 1.7. Số giấy chứng nhận⁽²⁾: 21KXM/266604
- 1.8. Số Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: Số BCTN: 4492/NETC-M/21/C

2. Thông số kỹ thuật của Xe

- 2.1. Khối lượng bản thân: 95 (kg)
- 2.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 227 (kg)
- 2.3. Động cơ
 - 2.3.1. Kiểu động cơ : JM01E Loại động cơ: Xăng, 4 kỳ, 1 xi lanh, làm mát bằng không khí.
 - 2.3.2. Thể tích làm việc (Dung tích xy lanh): 109,51 cm³.
 - 2.3.3. Công suất lớn nhất/số vòng quay: 6,6/7.500 kW/rpm
- 2.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: ~~Chế hòa khí~~/ phun nhiên liệu/~~khác~~:⁽¹⁾
- 2.5. Hộp số
 - 2.5.1. Điều khiển: ~~ơ khí~~/tự động⁽¹⁾
 - 2.5.2. Số lượng tỷ số truyền: Vô cấp
 - 2.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số:
- 2.6. Tỷ số truyền cuối cùng: 10,625
- 2.7. Lốp
 - 2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trực 1: 100/90-12 áp suất lốp: 225 kPa
 - 2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trực 2: 110/90-12 áp suất lốp: 225 kPa
- 2.8. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định: km/h

